TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HNGĐ- ST

Ngày 31/01/2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nông Đình Đoài**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc**
2. Ông Ngô Rô Be

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2017/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Dương Thị Mỹ D,** sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 07, ấp H L 3, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang

- Bị Đơn**: Anh Lê Thanh Hiền L,** sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 33, ấp T L, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Dương Thị Mỹ D trình bày: tôi và anh Lê Thanh Hiền L chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 22/8/2005. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 06 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau khi kết hôn thì vợ chồng về cha mẹ tôi sinh sống tại tổ 07, ấp H L 3, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang, nhưng đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh L không hòa hợp được với cuộc sống bên gia đình cha mẹ vợ, từ đó vợ chồng luôn bất đồng trong giải quyết việc nội bộ gia đình, giữa tôi và anh L thường xuyên tranh cãi, không khí gia đình luôn căng thẳng với nhau, gia đình không còn hạnh phúc. Từ đó tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng có

lối sống không phù hợp và vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Lê Thị Tuyết L, sinh ngày 12/6/2006

2/ Lê Thị Bích L, sinh ngày 04/9/2008

Hiện nay cháu L đang chung sống với chồng tôi, còn cháu L thì chung sống với tôi.

- Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị D yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Lê Thanh Hiền L

Về quan hệ con chung: Tôi xin được nhận nuôi dưỡng cháu Lê Thị Bích L, đồng thời giao cháu Lê Thị Tuyết L cho anh L nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn anh Lê Thanh Hiền L trình bày**: Tòa án đã tống đạt các văn bản cho anh Lê Thanh Hiền L theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay anh L vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Lê Thanh Hiền L với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Lê Thanh Hiền L, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị D về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Lê Thanh Hiền L là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có

hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh L hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, anh L không hòa hợp được với cuộc sống bên gia đình cha mẹ vợ, từ đó vợ chồng luôn bất đồng trong giải quyết việc nội bộ gia đình, giữa chị D và anh L thường xuyên tranh cãi, không khí gia đình luôn căng thẳng với nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy lời yêu cầu của chị D xin được ly hôn với anh L được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** Chị D xin được nhận nuôi cháu Lê Thị Bích L sinh ngày 04/9/2008 và giao cháu Lê Thị Tuyết L, sinh ngày 12/6/2006 cho anh L nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Lê Thị Bích L, sinh ngày 04/9/2008 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê Thị Tuyết L, sinh ngày 12/6/2006 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do hiện nay cháu Lê Thị Bích L 10 tuổi, đang chung sống với chị D và nguyện vọng của cháu L là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu sẽ sống với mẹ. Đồng thời thì chị D cũng giao cháu Lê Thị Tuyết L cho anh Lưu nuôi dưỡng. Do hiện nay cháu L 12 tuổi đang chung sống với anh L và nguyện vọng của cháu L là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu sẽ sống với cha. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung**: Do chị D và anh L không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: chị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007661 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Mỹ D và anh Lê Thanh Hiền L được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Thị Bích L, sinh ngày 04/9/2008 cho chị Dương Thị Mỹ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao cháu Lê Thị Tuyết L, sinh ngày 12/6/2006 cho anh Lê Thanh Hiền L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Dương Thị Mỹ D nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007661 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Dương Thị Mỹ D biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Lê Thanh Hiền L biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Đình Đoài